

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA THỜ CÚNG SƠN TINH - TẢN VIÊN Ở MIỀN BẮC

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ hơn một số đặc điểm của thờ cúng Sơn Tinh - Tản Viên ở khu vực Miền Bắc, nhất là xung quanh núi Ba Vì như Hà Nội, Vĩnh Phúc và Phú Thọ, như nhân hóa và lịch sử hóa, thần thánh hóa và linh thiêng hóa, công tích hóa và địa phương hóa, với mong muốn góp phần hiểu biết rõ ràng hơn và đầy đủ hơn về sự thờ cúng truyền thống cũng như tâm thức tôn giáo truyền thống của người Việt Nam.

Từ khóa: Tản Viên, Sơn Tinh, tôn giáo truyền thống, nhân hóa, lịch sử hóa, thần thánh hóa, linh thiêng hóa, công tích hóa, địa phương hóa.

1. Đặt vấn đề

Cùng với Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, các loại hình tôn giáo truyền thống trong dân chúng, trước nay thường gọi là tín ngưỡng truyền thống hay tín ngưỡng dân gian, có nhiều đóng góp quan trọng đối với văn hóa truyền thống Việt Nam. Cho nên, bản sắc văn hóa truyền thống người Việt nói riêng, bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam nói chung, bên cạnh “tiếng chuông chùa”, thì luôn có “tiếng trống đình và tiếng leng keng của điệu cung văn”.

Thờ sơn thần là một hiện tượng phổ biến ở Việt Nam, thể hiện thành một hệ tương đối thống nhất. Đó là hệ Sơn Tinh - Tản Viên, mà chủ yếu là các tướng lĩnh của vua Hùng như Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh, v.v... Ở Việt Nam, Tản Viên được người Việt và người Mường thờ cúng ở nhiều nơi. Tuy nhiên, nơi tập trung các di tích thờ tự cũng như huyền thoại về Tản Viên là khu vực núi Ba Vì, vùng đất gốc của hệ sơn thần ở nước ta. Cho nên, không có gì là ngạc nhiên khi thấy mật độ thờ cúng Tản Viên ở khu vực này rất đậm đặc. Chỉ tính riêng thị xã Sơn Tây và hai huyện Ba Vì, Phúc Thọ của tỉnh Hà Tây (thời điểm trước năm 2008) đã

* TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

có 100 nơi thờ Tản Viên (so với toàn tỉnh là 121 cơ sở¹). Còn ở tỉnh Vĩnh Phú (nay là Vĩnh Phúc và Phú Thọ), nơi thờ Tản Viên kèm theo các truyền thuyết, lễ hội tập trung ở các huyện Thanh Hòa, Phong Châu, Lập Thạch,... Như vậy là đã hình thành một vùng truyền thuyết thờ phụng, nghi lễ, phong tục liên quan đến Tản Viên².

Bài viết này làm rõ hơn một số đặc điểm của thờ cúng Sơn Tinh - Tản Viên ở khu vực Miền Bắc, nhất là xung quanh núi Ba Vì như Hà Nội, Hòa Bình, Vĩnh Phúc và Phú Thọ.

2. Một số đặc điểm của thờ cúng Sơn Tinh - Tản Viên

2.1. Nhân hóa và lịch sử hóa

Nhân hóa và lịch sử hóa là đặc điểm phổ biến ở hầu hết các nhiên thần, trong đó Sơn Tinh - Tản Viên là một trong những ví dụ điển hình nhất. Ai cũng biết, Sơn Tinh cùng với Cao Sơn và Quý Minh là những vị thần núi/ sơn thần tiêu biểu nhất ở người Việt ở Miền Bắc, nhất là khu vực xung quanh núi Ba Vì. Từ một vị thần núi, Sơn Tinh - Tản Viên đã dần được nhân hóa và lịch sử hóa. Quá trình này thể hiện rõ nhất trong diễn biến về tên gọi và lai lịch của Sơn Tinh - Tản Viên theo không gian và thời gian.

Trong *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên, Tản Viên xuất hiện với tư cách thuần túy là một vị thần núi dưới tên gọi là Sơn Tinh. Tới *Lĩnh Nam trích quái*, mặc dù chưa có tên cụ thể, nhưng Tản Viên đã có họ: họ Nguyễn. Phần cuối truyện có thêm đoạn, theo sách *Thế pháp tập*, Tản Viên là một trong những người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ, từng theo mẹ xuống biển, rồi lại ngược lên rừng, qua một số nơi cuối cùng quyết định chọn núi Tản Viên làm nơi định cư. Cho đến *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, Sơn Tinh vẫn chỉ là một vị thần núi vô nhân xưng.

Đến các thế kỷ XVI-XVII, triều đình nhà Hậu Lê, với công lao của Nguyễn Bính và Nguyễn Hiền, biên soạn thần tích trên cơ sở lời khai của các địa phương nhằm phục vụ cho việc cấp bằng sắc và quản lý di tích cũng như việc đưa ra các hình thức, quy mô tế lễ, Tản Viên đã có một lý lịch trần tục đầy đủ và chi tiết. Trong thần thoại và thần tích, Sơn Tinh được chép với nhiều tên khác nhau. Lai lịch và tên gọi của thần có thể hình dung theo thứ tự một cách tương đối như sau:

Đa số thần thoại và thần tích lấy họ tên khai sinh của Sơn Tinh - Tản Viên là Nguyễn Tuấn (một vài trường hợp chỉ có tên là Tuấn mà không

có họ, hoặc có họ Nguyễn mà không thấy có tên). Tên gọi này thường được đặt ngay sau khi sinh³. Lên 6 tuổi, Nguyễn Tuấn đổi tên thành Nguyễn Huệ. Đây là năm ông Nguyễn Cao/ Nguyễn Cao Hạnh (bố của Nguyễn Tuấn) qua đời. Một năm sau, hai mẹ con dắt nhau đến Linh Sơn Ngọc Tản của Cửu Lĩnh (xứ Mang Bồi) ngụ cư. Tại đây, hai mẹ con Nguyễn Huệ kết bạn với Ma Thị Cao Sơn thân nữ.

Ở núi Ngọc Tản được ba năm, nhớ phần mộ tổ tiên, hai mẹ con Nguyễn Huệ (10 tuổi) trở về động cũ Lăng Sương. Lúc này, Nguyễn Huệ đổi tên là Nguyễn Chiêu Dung. Năm 15 tuổi, Nguyễn Chiêu Dung bắt đầu đi học, nhưng hằng năm vẫn qua núi Ngọc Tản than thở với Ma Thị về hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nguyễn Chiêu Dung xin làm con nuôi Ma Thị, đốn củi nuôi mẹ đẻ.

Một năm sau, mẹ đẻ qua đời, Nguyễn Chiêu (tên đã đổi, 16 tuổi) làm lễ chôn cất, rồi ở núi Ngọc Tản với mẹ nuôi Ma Thị. Một lần, Nguyễn Chiêu đi kiếm củi, chặt phải một cây cao to (cây thần), gặp Tinh Thần Tử Huy Thiên Tướng/ Thái Bạch Kim Tinh, được tặng gậy thần và thần chú.

Sau khi được tặng gậy thần và thần chú, Nguyễn Chiêu⁴ trở về động cũ Lăng Sương tự xưng là Thần sư/ Thần vương. Thần sư dùng gậy thần dẹp trên 500 voi và hổ cản đường ở thôn Cốc, ấp Thủ Pháp; cứu rắn thần mà sau này mới biết là con của Long vương ở châu Trung Độ, xã Ma Xá; xuống Long cung, được Đế quan ban tặng sách ước; được Ma Thị lập chúc thư để lại toàn bộ gia tài cho để thờ phụng bà sau khi qua đời.

Khi vua Hùng thứ 18 kén rể cho công chúa Ngọc Hoa, thần có tên là Sơn Tinh, cùng Thủy Tinh đến thi tài. Sở dĩ cái tên này được lựa chọn bởi vì, Sơn Tinh được đặt trong sự tương quan với Thủy Tinh trước sự kiện vua Hùng kén rể. Theo Nguyễn Xuân Diện, Sơn Tinh - Thủy Tinh ở đây được đặt trong thế đối lập làm tăng thêm hiệu quả phô diễn của hình tượng. Đây là cách lựa chọn đạt nhất khi đề cập đến Tản Viên ở sự kiện này. Nếu Nguyễn Tuấn thi tài với Thủy Tinh thì hiệu quả thẩm mỹ sẽ giảm đi nhiều, vì hình tượng Sơn Tinh - Thủy Tinh (Đất và Nước, Dương và Âm) đã có sẵn trong tâm thức của dân chúng⁵.

Sau khi lấy công chúa Ngọc Hoa và chiến thắng Thủy Tinh, Sơn Thánh được vua Hùng tin tưởng phong chức nguyên soái, đem quân đi đánh giặc Thục. Đất nước trở lại thanh bình, vua Hùng nhường ngôi cho Sơn Thánh. Được một thời gian, Sơn Thánh trả lại ngôi cho vua Hùng. Vua Hùng gia phong cho Sơn Thánh làm Thiên Đạo Chiêu Dung. Sau khi

được gia phong, Sơn Thánh chu du khắp thiên hạ. Mười năm sau, Sơn Thánh trở về khi vua Hùng nhận được thư cầu hòa của vua Thục. Sơn Thánh khuyên vua Hùng nhường ngôi cho vua Thục, bởi vận nhà Hùng đã hết. Sau khi nhường ngôi, vua Hùng cùng Sơn Thánh và công chúa Ngọc Hoa giữa ban ngày bay lên Trời hóa sinh bất diệt.

Bên cạnh những tình tiết khá thống nhất về tên gọi và lai lịch nêu trên, *Bắc Thành dư địa chí* cho biết thêm: “Thần núi Tản Viên có ba vị Nguyễn Hưởng, Nguyễn Tuấn và Nguyễn Lang. Có thần thoại lại nói, thần tên là Hương Lang, con Lạc Long Quân. Đời Nghiêu, nước lớn ngập cả núi gò, Hương Lang có phép tiên, trừ hết nạn lụt, sau đánh tan quân nhà Tản, bèn đi khắp nơi xem danh lam thắng cảnh, đến núi Tản Viên, dựng cung điện để ở”⁶.

Ngoài ra, trong các bản thần tích ở người Việt, Sơn Tinh còn được gọi là Nguyễn Tùng, Tản Viên Thánh, Tản Viên Sơn Thánh, Tản Thánh, Thánh Tản, Tản Sơn Thánh, Tản Viên Sơn Tinh, Sơn Tinh Quý Minh, v.v...⁷

Ở người Mường, Tản Viên được thờ cúng không chỉ ở cộng đồng, mà còn trong từng gia đình. Tên gọi của Tản Viên ở người Mường gồm: Bua/ Ban Thơ (vua thờ, vua được tôn kính), Thần Ku/ Khu, Weng, Ku Tlang, Pua Mu, Pua Khoi, Pua Klo, Bua Wang Pa, Mê Wang Pa, Ma Thơ, Ma Mơi, Bua Pun, Bua Mai, Bua Tit, Bua Ông, Bua Non, Bua Thai Hâu. Người Mường quan niệm, sở dĩ Bua Thơ/ Tản Viên có nhiều tên gọi khác nhau, bởi vì thần đi khắp hoàn cầu và mọi người buộc phải thờ cúng thần những nơi mà thần dừng lại. Đó là lý do giải thích một số làng người Mường ở Thanh Sơn (Phú Thọ) và ở Mãn Đức (Hòa Bình) nơi thần Tản Viên có đến bảy tên gọi khác nhau⁸.

Tóm lại, tên gọi của Tản Viên ở người Việt, tuy phát triển dần theo thời gian, nhưng có sự khác biệt khá rõ trong hai thời kỳ: Trước thế kỷ XIV, thần chủ yếu được biết với hai tên gọi là Sơn Tinh (tinh hoa của núi) và Tản Viên (hình tán tròn, biểu thị dáng của Núi Tản). Ở thời kỳ này, Tản Viên xuất hiện với tư cách là một vị thần núi, nghĩa là một vị nhiên thần. Từ sau thế kỷ XIV, Tản Viên đã được nhân hóa và lịch sử hóa với một hệ thống thân tộc chi tiết.

Quá trình nhân hóa và lịch sử hóa Sơn Tinh - Tản Viên còn thể hiện rõ qua thần thoại về vị thần này. Từ những nguồn tài liệu có được, chúng tôi tạm chia thần thoại về Tản Viên làm ba loại chủ yếu sau đây:

Loại thứ nhất, chắc hẳn xuất hiện sớm nhất, Tản Viên là một vị thần núi vô danh xưng, cho dù trong *Lĩnh Nam trích quái* có nhắc đến họ của thần là họ Nguyễn. Những văn bản Việt sớm nhất đề cập đến Tản Viên là tài liệu trước thời Hậu Lê. Theo đó, Tản Viên được biết với tên gọi Sơn Tinh, bạn thân của Thủy Tinh, ẩn cư tại động Gia Ninh thuộc Phong Châu. Hầu hết tài liệu loại này không đề cập đến gốc tích của thần, ngoại trừ *Lĩnh Nam trích quái* cho biết thần là một trong 50 người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Sơn Tinh - Tản Viên trong mô típ này được đề cập chủ yếu trong sự kiện Hùng Vương kén rể cho công chúa Ngọc Hoa và cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh sau đó.

Loại thứ hai, Tản Viên chỉ có mẹ mà không có hoặc không thấy đề cập có bố. Ở mô típ này, mẹ của thần có nhiều tên gọi khác nhau như Đinh Thị Nguộc, Đinh Thị Hàn, Đinh Thị Diên/ Đên⁹; là người xấu xí, không ai lấy, có thai qua một lần vào rừng kiếm củi, hoặc đi cấy lúa, hoặc đi làm nương,... Do không chồng lại có chửa, nên bà bị dân làng ghét bỏ, đuổi khỏi làng. Bà phải sống một mình trong rừng, hằng ngày có hổ báo mang thịt hươu nai về nuôi cho đến khi sinh con, thậm chí cả sau khi sinh con.

Loại thứ ba, phổ biến nhất và chắc hẳn xuất hiện muộn nhất, là sản phẩm của một số nho sĩ, tiêu biểu là Nguyễn Bính và Nguyễn Hiền, thần có một lý lịch đầy đủ, rõ ràng bố mẹ, cô chú, anh em, họ hàng thân thích. Theo đó, bố của thần là Nguyễn Cao/ Nguyễn Cao Hạnh, tuổi 70. Mẹ của thần là Đinh Thị Đên/ Diên, 50 tuổi¹⁰. Họ sống ở động Lăng Sương, là những người lương thiện, tuổi cao mà chưa có con. Bà mang thai sau một lần giẫm phải một vết chân to/ vết chân thần hoặc đi tắm ở nơi trước đó rồng vàng hạ xuống lấy nước.

Trong mô típ này, một số ngọc phả vùng Tùng Thiện (Hà Nội hiện nay) cho biết, ông Nguyễn Cao Hạnh lấy người cháu ruột vợ là Đinh Thị Diên/ Đên. Điều này có nghĩa, ông Nguyễn Cao Hạnh đã có một đời vợ trước khi lấy bà Đinh Thị Diên. Phải chăng, đó là lý do giải thích việc ông Nguyễn Cao Hạnh hơn bà Đinh Thị Diên 20 tuổi. Bà Đinh Thị Diên có mang, đẻ ra một con trai, đặt tên là Nguyễn Tuấn. Trong mô típ này còn xuất hiện thêm chi tiết vợ chồng Nguyễn Cao Ban (em trai của ông Nguyễn Cao Hạnh), tuổi cũng cao mà chưa có con. Sau này, vợ chồng Nguyễn Cao Ban sinh đôi được hai con trai đặt tên là Nguyễn Hiền và Nguyễn Sùng. Khi Nguyễn Hiền và Nguyễn Sùng 12 tuổi thì bố mẹ qua

đời. Về sau, cả ba anh em (Nguyễn Tuấn, Nguyễn Hiền và Nguyễn Sùng) đều sang ở với bà Ma Thi/ Bà Bùi ở chân Núi Tản (Ba Vì)¹¹.

2.2. Thần hóa (thiên hóa)

Thần hóa (thiên hóa) các đối tượng được nhiều người tôn sùng là một xu hướng phổ biến ở nhiều quốc gia, tộc người trên thế giới. Xu hướng này xuất hiện ở cả nhân thần lẫn nhiên thần. Một trong những trường hợp điển hình của việc thần hóa và thiên hóa đối với nhân vật lịch sử trên thế giới là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người sáng lập Phật giáo, nhất là những chi tiết liên quan đến sự sinh nở của ngài: bà mẹ mơ thấy voi trắng sáu ngà chui vào bụng rồi có thai, sinh ra ở nách bên phải của Hoàng hậu Ma Da, khi sinh có chín con rồng/ rắn phun nước thơm cho ngài tắm, vừa sinh ra ngài đã đi bảy bước (mỗi bước chân nở một hoa sen) một tay chỉ lên trời một tay chỉ xuống đất mà nói “thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” (trên Trời dưới Trời, chỉ có ta là người tôn quý hơn cả), v.v... Ở Việt Nam, việc thần hóa (thiên hóa) các nhân vật lịch sử cũng rất phổ biến, mà một trong số đó là Trần Hưng Đạo.

Xu hướng thần hóa (thiên hóa) còn phổ biến với các vị nhiên thần ở nước ta, tiêu biểu cho hệ thủy thần là Linh Lang, tiêu biểu cho hệ sơn thần là Tản Viên. Với các vị thủy thần, cụ thể là trường hợp Linh Lang, sự thần thánh hóa chủ yếu ở sự sinh và sự tử của thần: bà mẹ phàm tục (thời Lý) ra hồ/ sông tắm bị rồng/ rắn phủ rồi có mang, sinh ra một người con trai khôi ngô tuấn tú, sức khỏe và tài năng hơn người, có tài đánh giặc ngoại xâm, thắng giặc được vua trọng dụng, rồi hóa xuống nước (sông/ hồ), v.v... Còn với trường hợp Tản Viên, sự thần hóa và thiên hóa cũng chủ yếu ở sự sinh nở của vị thần này.

Vốn là một vị thần núi, nên ở các thần thoại xuất hiện sớm, thậm chí cho đến tận thế kỷ XV không thấy hoặc chưa thấy đề cập đến sinh tử của Tản Viên. Trong các truyện tích này, Tản Viên được đề cập đến với một lai lịch khá đơn giản: tên gọi là gì? Sống ở đâu? Kết bạn với ai? Lấy công chúa Ngọc Hoa ra sao? Đánh nhau với Thủy Tinh như thế nào? Nhưng theo thời gian, Tản Viên đã có một lý lịch rõ ràng, trong đó chuyện sinh nở của thần được thể hiện khá đa dạng và cụ thể. Đây là công lao sáng tác của dân chúng, đặc biệt là sự trợ giúp của các Nho sĩ trong việc viết lại thần tích, thần phả trong và sau năm 1572.

Xung quanh vùng núi Ba Vì (Hà Nội), phổ biến truyện Tản Viên chỉ có mẹ mà không có bố. Bà mẹ của Tản Viên là một người xấu xí và nghèo khổ nên không có ai lấy. Một hôm, bà đi cấy lúa, hoặc đi lấy củi trong rừng, giẫm phải một vết chân to/ vết chân thần, hoặc tắm phải nước mà rồng vàng vừa xuống lấy nước, cảm động mà thụ thai¹². Bà bị đuổi vào rừng vì hoang thai. Trong rừng, bà dựng lều để ở, hằng ngày hồ báo mang thịt hươu nai nuôi bà cho đến khi sinh nở. Mang thai được 14 tháng (chứ không phải 9 tháng 10 ngày như trường hợp bình thường), bà sinh được một bé trai khôi ngô tuấn tú. Điều đáng nói là, bà mẹ của Tản Viên họ Đinh không có chồng, nhưng lại đặt tên con là Nguyễn Tuấn¹³.

Cùng với mô típ nêu trên, song truyền thuyết về bà mẹ và sự sinh nở Tản Viên ở người Mường khu vực Phong Châu (Phú Thọ) được thể hiện cụ thể hơn và tình tiết đôi chỗ có khác. Nàng (mẹ của Tản Viên) cũng rất xấu xí, 20 tuổi mà chưa lấy chồng, bị nhà Lang đuổi vào rừng, được đại bàng thần chỉ dạy cách thức trồng trọt và giúp đỡ trong cuộc sống, mang thai sau lần khẩn cầu và được đại bàng thần che phủ từ trên cao bằng lớp lớp cầu vồng đan xen rực rỡ. Sau ba năm ba tháng mang thai, nàng đau đẻ trong một ngày trời đất nổi cơn dông bão. Đất đá bay mù mịt, nhưng chỗ nàng ngồi mây lành bao quanh rực rỡ. Trên cao, đại bàng thần xòe đôi cánh rộng lớn che mưa gió. Dưới đất, lớp lớp cây rừng ken thành tường dày quanh nàng che chắn cơn dông bão lớn. Sau chín ngày trở dạ, cũng là chín ngày dông bão, đêm cuối cùng, trời quang mây tạnh, mặt đá nơi nàng ngồi sáng lên kỳ diệu, nàng sinh hạ được một chú bé đẹp lạ lùng. Đứa bé vừa sinh ra đã biết nói cười, đứng dậy chấp tay lạy mẹ rồi thưa: Mẹ con ta hãy đi về phía hòn núi cao đứng riêng lẻ một mình (núi Ba Vì) bên kia con sông có dòng chảy ngược (Sông Đà). Ở đây, con sẽ làm nương nuôi mẹ...¹⁴

Ở những huyền thoại khi Tản Viên đã có lý lịch đầy đủ và rõ ràng sau này, sự sinh nở của thần hiển nhiên rất tỷ mỉ. Tuy rất thần kỳ, nhưng đó là những mô típ khác so với loại hình đã nêu trên. Tản Viên đầu thai vào một gia đình có đầy đủ cả bố/ ông Nguyễn Cao hoặc Nguyễn Cao Hạnh (70 tuổi) và mẹ/ bà Đinh Thị Diên/ Đen, là những người cao tuổi, hiền lành, phúc hậu, chưa có con.

Không gian và thời gian của sự sinh nở Tản Viên được xác định rõ ràng. Hai ông bà Nguyễn Cao hoặc Nguyễn Cao Hạnh (70 tuổi) và Đinh Thị Diên hoặc Đinh Thị Đen sống thời Hùng Vương thứ 18, ở động Lãng

Sương, huyện Thanh Xuyên, phủ Gia Hưng, đạo Hưng Hóa, xứ Sơn Tây. Một hôm, xuất hiện một đám mây lành rực rỡ trong khe động, rồng vàng bay lượn xuống lấy nước, phun chu tinh xuống sông nước, bắn linh khí xuống đáy khe, hương thơm ngào ngạt. Lúc đó, bà Đinh Thị Diên ra phía đầu nhà lấy nước ở khe tắm trên phiến đá trắng. Sau đó, bà tự nhiên thấy trong lòng động, mang thai 14 tháng. Đến ngày sóc (mùng một) tháng Giêng năm Đinh Ty, đang ngồi trên phiến đá trắng, bỗng nhiên xuất hiện một đám mây lành ngũ sắc hào quang rực rỡ, bà sinh hạ một cậu con trai tướng mạo phi phàm, hình dung tuấn tú, dáng người hiên ngang. Sau 100 ngày, bèn đặt tên là Nguyễn Tuấn¹⁵.

Một huyền thoại khác về Tản Viên kể rằng, bà mẹ của thần tên là Lê Thị, ở Lăng Sương (không thấy nói đến ông bố). Một đêm, bà mộng thấy rồng ôm quanh thân mình bèn có chửa. Mang thai ba năm, bà mãi nguyệt khai hoa vào ngày mùng 8 tháng Một năm Canh Thân. Bà Lê Thị chỉ có một mình may gặp bà Bùi Thị Y đi qua, bèn gọi mời ở lại cùng nhau nuôi thánh. Do thánh có diện mạo phi thường, hình dung cao quý, thiên tư thông dị, trí tuệ hơn người, nên đặt tên là Quý Minh¹⁶.

Rõ ràng là ở những huyền thoại về sau, sự sinh nở của Tản Viên đã tiến những bước rất dài, đặc biệt là sự đề cập cụ thể ngày tháng năm sinh của thần.

2.3. Công tích hóa và địa phương hóa

Công tích hóa và địa phương hóa cũng là một đặc điểm ở cả nhân thần lẫn nhiên thần, nhưng nhìn chung rõ rệt hơn ở nhiên thần. Điều này có nghĩa, muốn được nhân dân thờ cúng, các vị nhiên thần không chỉ được nhân hóa và lịch sử hóa, mà còn phải được gắn với những công tích cụ thể nào đó gắn với những địa phương cụ thể nào đó, chủ yếu trên bốn phương diện: khai hoang lập ấp, đánh giặc ngoại xâm (giặc thực hay giặc ảo), đánh giặc thiên nhiên (chống hạn hoặc chống lụt), dạy nghề cho dân chúng, v.v... Trong trường hợp này, Sơn Tinh - Tản Viên vẫn là ví dụ tiêu biểu nhất trong các vị thần ở nước ta.

Với người dân Việt Nam, nhất là khu vực xung quanh núi Ba Vì, Sơn Tinh - Tản Viên trước hết là người anh hùng trị thủy. Để chặn các mũi tiến công ác liệt của Thủy Tinh, Sơn Tinh không chỉ trực tiếp quây núi ngăn dòng, nâng cao mặt đất, mà còn chỉ huy các bộ tướng và hướng dẫn nhân dân đắp đê, cạp bờ, làm kè để chống lại sức công phá của nước. Sau hàng tháng vật lộn, cuối cùng Thủy Tinh phải chịu thua¹⁷.

Bên cạnh việc chống lũ lụt, Sơn Tinh còn giúp dân chống hạn hán. Truyền thuyết ở thôn Cam Đà (xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, Hà Nội) cho biết, nơi đây từng có lần bị đại hạn vào mùa hè làm nhiều ruộng lúa chết khát, con người không có nước để ăn uống và cày cấy. Một hôm, Thần sư (Sơn Tinh - Tản Viên) đi qua làng, thấy tình thế nguy kịch như vậy, liền cầm cây gậy thần giơ cao lên Trời, miệng lầm nhảm câu sách ước. Bỗng nhiên, mây đen kéo đến, rồi mưa to như trút. Người dân Cam Đà chưa kịp cảm ơn ân nhân, thì Thần sư đã biến mất từ lâu, chỉ còn hai vết chân người đứng lún đất xuống, đầy nước trong veo như hai cái giếng. Dân làng rủ nhau lấy nước về ăn uống, tắm giặt¹⁸.

Sự tích khu vực Ao Vua (xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội) cho biết, giữa đỉnh núi cao U Bò có một cái giếng sâu, nước ngọt và mát dâng đầy quanh năm. Tục truyền, những ngày đánh nhau với Thủy Tinh ở Ao Vua, quân của Sơn Tinh trên núi không có nước ăn. Sơn Tinh liền rút gươm cắm xuống đỉnh U Bò, cho quân theo dấu đào giếng lấy nước. Quả nhiên, mới đào xuống mấy thước đã thấy nước phun lên rất mạnh. Quân của Sơn Tinh nhờ đó mà không bị khát¹⁹.

Bên cạnh chống giặc thiên nhiên, Tản Viên còn dạy dân cách trồng cấy lúa và múa hát (xã Liệp Tuyết, huyện Ba Vì, Hà Nội); cách săn bắt thú rừng vừa bảo vệ cây trồng (khu vực Bãi Trây, thị xã Sơn Tây, Hà Nội); cách làm ra lửa và dùng lửa làm chín thức ăn, làm sáng đêm tối, sưởi ấm mùa đông (xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội); cách đánh cá và chế biến thức ăn từ cá (xã Trung Hưng, huyện Ba Vì và xã Tích Giang, huyện Phúc thọ, Hà Nội); trau dồi phong hóa, lối sống nhân nghĩa (các làng Vân Gia, Nghĩa Phú, Thuần Nghệ, Phú Nhi, thị xã Sơn Tây, Hà Nội), v.v... Các địa phương nêu trên đều lập đền thờ và mở hội để tưởng nhớ công ơn to lớn của Sơn Tinh²⁰.

Nói về công tích của Sơn Tinh - Tản Viên không thể không nhắc đến những chiến công của Ngài khi đánh giặc (quân Thục). Trong nhiều trận giao chiến dữ dội với quân Thục rất đông và rất mạnh, Sơn Tinh bao giờ cũng giành chiến thắng vẻ vang. Cuối cùng, Thục Phán phải cầu hòa và xin rút quân. Liên quan đến đánh giặc, thần thoại còn cho biết, Sơn Tinh rất chăm lo rèn luyện quân để không ngừng nâng cao khả năng phòng thủ đất nước. Một số địa phương quanh Ba Vì, chẳng hạn như vùng Khê Thượng, trong lễ hội truyền thống còn giữ được những tục lệ đầy tinh thần thượng võ bắt nguồn từ truyền thuyết Sơn Tinh luyện quân ngày xưa.

3. Kết luận

Sơn Tinh - Tản Viên là một trong những vị thần sáng giá nhất của thần điện Việt Nam. Do vậy, vị thần này hội tụ hầu hết các đặc điểm cơ bản của loại hình thờ cúng bách thần ở Việt Nam như nhân hóa và lịch sử hóa, thần hóa (thiên hóa), công tích hóa và địa phương hóa. Chắc hẳn, đây là lý do khiến Sơn Tinh - Tản Viên là vị thần có nhiều danh xưng nhất ở Việt Nam, từ những tên gọi của một vị thần núi đến những tên gọi của một con người lịch sử, từ những tên gọi của loại hình thờ cúng truyền thống cho đến những tên gọi sau khi được Đạo giáo hóa và Nho giáo hóa; là vị thần có nhiều công tích nhất ở Việt Nam, từ đánh giặc ngoại xâm và đánh giặc thiên nhiên đến dạy rất nhiều nghề cho dân chúng, nên được coi là “ông tổ trăm nghề”; cũng là vị thần đa dạng nhất và phong phú nhất về huyền thoại và thần tích, đặc biệt là sự sinh nở thần kỳ. Cho nên, nghiên cứu về Sơn Tinh - Tản Viên sẽ góp phần hiểu biết rõ ràng hơn và đầy đủ hơn về sự thờ cúng truyền thống cũng như tâm thức tôn giáo truyền thống của người Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Hữu Thức (1996), *Văn học dân gian Hà Tây và việc chấn hưng văn hóa địa phương*, Luận án Phó tiến sĩ Ngữ văn, Hà Nội: 167-171.
- 2 Ngô Đức Thịnh (1997), “Mấy ghi nhận về Thánh Tản Viên”, trong: *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây*: 60.
- 3 “Thần tích xã Phú Lạc”, trong: Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 111.
- 4 Theo “Thần tích xã La Dương” (tỉnh Hà Đông), sau khi được ban gậy thần, tên của thần đổi thành Nguyễn Tùng. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, sđd: 112.
- 5 Nguyễn Xuân Diện (1997), “Hình tượng Sơn Tinh - Tản Viên Sơn Thánh qua văn bản thần tích”, trong: *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây*: sđd.
- 6 Hà Kinh, Đoàn Công Hoạt sưu tầm (1973), *Truyện thuyết Sơn Tinh*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây: 17.
- 7 Nguyễn Xuân Diện (1994), “Thử tìm hiểu dấu ấn huyền thoại Sơn Tinh-Tản Viên Sơn Thánh trong những bản thần tích”, *Văn hóa Dân gian*, số 4.
- 8 Jean Cuisinier (1995), *Người Mường: địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb. Lao động.
- 9 Ở một số tài liệu người Mường, mẹ của thần không thấy có tên gọi cụ thể nào. Xem: Hoàng Quý (1984), *Truyện cổ người Mường Phong Châu*, tập 1, Sở Văn hóa Thông tin Vĩnh Phú.
- 10 Lâm Bá Nam cho rằng, Nguyễn Cao là người Việt miền hữu ngạn sông Đà, Đinh Thị Diên/ Đen là người Mường cư trú vùng tả ngạn sông Đà. Đây là một gia đình

- hỗn hợp Việt - Mường. Lâm Bá Nam (1997), “Người Mường ở Ba Vì: những ghi chép Dân tộc học”, trong: *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây, sdd: 133-134.
- 11 Hà Kinh, Đoàn Công Hoạt sưu tầm (1973), *Truyền thuyết Sơn Tinh*, sdd: 16.
 - 12 Một phụ nữ không có chồng, giẫm phải một vết chân to, hoặc tắm phải nước mà rồng vàng vừa xuống lấy nước, hoặc đi tắm ở sông hồ bị rồng quẩn, rồi có thai, sinh ra một thánh nhân rõ ràng là một mô típ thần thoại phổ biến ở người Việt ở Đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài Tản Viên, chúng ta còn bắt gặp mô típ thần thoại này ở Thánh Gióng, Linh Lang, Ông/Chàng Cụt và Ông/Chàng Dài, v.v...
 - 13 Tên gọi Nguyễn Tuấn ở đây nhiều khả năng xuất phát từ danh hiệu Nguyên Tuấn mà Jean Cuisinier dùng trong tác phẩm *Người Mường: địa lý nhân văn và xã hội học* với nghĩa là đẳng cao cả nguồn gốc, một tên gọi của Tản Viên ở người Mường.
 - 14 Hoàng Quý (1984), *Truyện cổ Mường Phong Châu*, tập 1, Sở Văn hóa Thông tin Vĩnh Phú. Sờ dĩ chúng tôi đề cập khá chi tiết truyện tích này, vì đây là một ví dụ điển hình cho sự sinh nở của các bậc thánh nhân. Các con số liên quan đến sự sinh nở thần kỳ này đều là con số thiêng.
 - 15 “Thần tích xã Phú Lạc”, trong: Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, sdd: 110-111.
 - 16 “Thần tích xã Thụy Liễu”, trong: Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, sdd: 139-140.
 - 17 Xem: Hà Kinh, Đoàn Công Hoạt (1973), *Truyền thuyết Sơn Tinh*, Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây; Đoàn Công Hoạt (1997), “Truyền thuyết Sơn Tinh ở vùng núi Tản”, trong: *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây.
 - 18 Hà Kinh, Đoàn Công Hoạt (1973), *Truyền thuyết Sơn Tinh*, sdd: 51-52.
 - 19 Hà Kinh, Đoàn Công Hoạt (1973), *Truyền thuyết Sơn Tinh*, sdd: 41-42.
 - 20 Xem: Hà Kinh, Đoàn Công Hoạt (1973), *Truyền thuyết Sơn Tinh*, Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây; Đoàn Công Hoạt (1997), “Truyền thuyết Sơn Tinh ở vùng núi Tản”, trong: *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây; Lê Trung Vũ (1997), “Những sinh hoạt văn hóa đặc sắc trong truyền thuyết và lễ hội Tản Viên”, trong: *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Jean Cuisinier (1995), *Người Mường: địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb. Lao động.
2. Nguyễn Xuân Diện (1994), “Thử tìm hiểu dấu ấn huyền thoại Sơn Tinh - Tản Viên Sơn Thánh trong những bản thần tích”, *Văn hóa Dân gian*, số 4.
3. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hà Kinh, Đoàn Công Hoạt (1973), *Truyền thuyết Sơn Tinh*, Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây.
5. Hoàng Quý (1984), *Truyện cổ Mường Phong Châu*, tập 1, Sở Văn hóa Thông tin Vĩnh Phú.

6. Nguyễn Hữu Thức (1996), *Văn học dân gian Hà Tây và việc chấn hưng văn hóa địa phương*, Luận án Phó tiến sĩ Ngữ văn, Hà Nội.
7. Tạ Chí Đại Trường (1989), *Thần, Người và Đất Việt*, Văn nghệ xuất bản, California, USA.
8. *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây, 1997.

Abstract

CHARACTERISTICS OF THE CULT OF SƠN TINH - TẢN VIÊN IN THE NORTH OF VIETNAM

This text clarifies some characteristics of the cult of Sơn Tinh - Tản Viên (the god of the mountain - the mountain immortal god) in the North of Vietnam, especially the places around the Ba Vì mountain such as Hà Nội, Vĩnh Phúc, and Phú Thọ. This cult's characteristics includes humanization, historicization, deification, and localization. This text contributes to clarify the traditional cult and Vietnamese religious mentality.

Keywords: Tản Viên, Sơn Tinh, traditional religion, humanization, deification.